

TOÀ ÁN NHÂN DÂN
TỈNH ĐỒNG NAI

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Bản án số: 71/2026/HS-ST

Ngày: 16-4-2026

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN TỈNH ĐỒNG NAI

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Nga;

Thẩm phán: Bà Lê Hồng Hạnh

Các Hội thẩm nhân dân: Bà Lương Thị Diệu

Bà Nguyễn Thị Linh

Bà Trần Thị Thìn

- Thư ký phiên tòa: Bà Bùi Thị Duyên - Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Đồng Nai.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Đồng Nai tham gia phiên tòa:
Ông Thạch Kim Hùng - Kiểm sát viên.

Ngày 16 tháng 4 năm 2026, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Đồng Nai cơ sở 2, xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự sơ thẩm thụ lý số 302/2025/TLST-HS ngày 20 tháng 11 năm 2025, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 59/2026/QĐXXST-HS ngày 16 tháng 3 năm 2026, đối với bị cáo:

Huỳnh Trương Phương H, sinh ngày 02 tháng 9 năm 1994 tại tỉnh Bình Phước (nay là tỉnh Đồng Nai); Căn cước công dân số: 07009400xxxx cấp ngày xx/xx/xxx; Nơi cư trú: Khu phố H, phường C, tỉnh Đồng Nai; nghề nghiệp: Lao động tự do; Trình độ văn hóa: 12/12; dân tộc: Kinh; giới tính: nam; tôn giáo: không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Huỳnh Phương H1, sinh năm 1958 và bà Trương Thị Thúy N, sinh năm 1963; chưa có vợ, con; tiền án, tiền sự: không.

Nhân thân: Ngày 20/8/2025 bị Tòa án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh xử phạt bị cáo 1 (mười bảy) năm tù về tội “Mua bán trái phép chất ma túy” theo Bản án số 487/2025/HS-ST ngày 20/8/2025 của Tòa án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh.

Bị cáo đang chấp hành án phạt tù tại Trại giam C, tỉnh Tây Ninh theo Bản án số 487/2025/HS-ST ngày 20/8/2025 của Tòa án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh; Quyết định Thi hành án phạt tù số 1892/2025/QĐ-CA ngày 23/9/2025 của

Toà án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh.

Bị cáo có mặt tại phiên tòa.

- *Người bào chữa cho bị cáo Huỳnh Trương Phương H:* Luật sư Bùi Văn D – Luật sư thuộc Đoàn Luật sư tỉnh Đ. Địa chỉ liên hệ: Văn phòng Luật sư Bùi Văn D – Số A T, phường B, tỉnh Đồng Nai – có mặt.

- *Bị hại:* Ông Lê Văn L, sinh năm 1985; địa chỉ: 7, đường P, Phường D, Quận H (nay là phường C), Thành phố Hồ Chí Minh – xin vắng mặt.

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho bị hại: Bà Huỳnh Thị Thu H2, sinh năm 1980 - Luật sư, Văn phòng L1 thuộc Đoàn Luật sư tỉnh Đ; Địa chỉ: D H, khu phố T, phường T, tỉnh Đồng Nai – có mặt.

- *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:* Ông Huỳnh Phương H1, sinh năm 1963. Địa chỉ: Khu phố H, phường C, tỉnh Đồng Nai – có mặt.

- *Người làm chứng:*

1. Chị Trần Thị Phương H3, sinh năm 1992; địa chỉ: 7, đường P, Phường D, Quận H (nay là phường C), Thành phố Hồ Chí Minh (vắng mặt).

2. Anh Lê Võ Minh B, sinh năm 1991; địa chỉ: Số B M, phường P, Thành phố Hồ Chí Minh (vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

1. Nội dung chính:

Bị cáo Huỳnh Trương Phương H có quen biết với anh Lê Văn L là chủ cửa hàng điện thoại di động “LINH R APPLE”, địa chỉ: Số F, đường T, phường A, Thành phố Hồ Chí Minh. Từ tháng 3/2023 đến tháng 4/2023, anh L đã 02 lần cho H vay tiền để làm ăn, tổng số tiền H còn nợ anh L là 300.000.000 đồng.

Đến tháng 7 năm 2023, H đã vay của Ngân hàng TMCP Q (V) số tiền 3.000.000.000 đồng (ba tỷ đồng), để đảm bảo cho khoản vay H đã thế chấp quyền sử dụng đất đối với thửa đất số 30, tờ bản đồ số 68, tọa lạc tại: Khu phố H, phường C, tỉnh Đồng Nai theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất (GCNQSDĐ) số DD138520 do Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh B cấp ngày 16/11/2021 cho Huỳnh Trương Phương H (thửa đất số 30).

Để có tiền đóng lãi cho khoản vay nêu trên H đã nảy sinh ý định đặt làm giả GCNQSDĐ của thửa đất số 30 để thế chấp cho anh L vay tiền rồi chiếm đoạt. Thông qua mạng xã hội “Telegram” (không rõ thông tin tài khoản) thì H liên hệ với 01 đối tượng (không rõ lai lịch) rồi gửi thông tin, hình ảnh GCNQSDĐ của thửa đất số 30. H yêu cầu làm 01 GCNQSDĐ giả theo thông tin của thửa đất số 30 đã thế chấp cho ngân hàng và 02 Hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất

(CNQSDĐ) với nội dung Hảo chuyển nhượng quyền sử dụng đất đối với thửa đất số 30 cho anh L, giá thuê làm giả những tài liệu này là 7.000.000 đồng.

Đến ngày 24/12/2023, H nhận được GCNQSDĐ giả thông qua dịch vụ giao hàng nhanh. Khoảng 20 giờ cùng ngày, H đi đến cửa hàng điện thoại di động “LINH R APPLE” gặp anh L rồi đưa GCNQSDĐ giả cho anh L và nói muốn thế chấp GCNQSDĐ của H cho anh L để vay số tiền 300.000.000đ (ba trăm triệu đồng) thì anh L đồng ý cho H vay tiền, H cầm GCNQSDĐ giả đi về. Đến ngày 26/12/2023, thông qua dịch vụ giao hàng nhanh thì H tiếp tục nhận được 02 Hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất giả có nội dung H chuyển nhượng thửa đất số 30 cho anh L, có chữ ký của “Trương Thanh H4” và dấu mộc đỏ của Văn phòng C1. Ngày 28/12/2023, H tiếp tục đến cửa hàng điện thoại di động của anh L rồi đưa cho anh L 02 Hợp đồng CNQSDĐ giả và GCNQSDĐ giả. H nói anh L ký tên, lăn tay vào 02 Hợp đồng CNQSDĐ giả và yêu cầu anh L đưa Căn cước công dân để H đến Văn phòng công chứng hoàn tất thủ tục công chứng. Sau đó, H đến Văn phòng C1, địa chỉ: khu phố H, phường C, tỉnh Đồng Nai rồi chụp ảnh mình đã đến Văn phòng công chứng gửi cho anh L để anh L tin tưởng. Sau đó, H quay lại nhà anh L giao GCNQSDĐ giả và 02 Hợp đồng CNQSDĐ giả cho anh L thì anh L đưa cho H vay số tiền 300.000.000 đồng. Đến ngày 03/01/2024, H tiếp tục đến gặp anh L vay thêm số tiền 200.000.000 đồng, số tiền này được tính vào khoản vay thế chấp GCNQSDĐ giả trên.

Đến ngày 19/6/2024, H bị Phòng cảnh sát điều tra tội phạm về ma túy Công an Thành phố H bắt và tạm giam về hành vi “Mua bán trái phép chất ma túy”. Biết việc H bị bắt, sợ mất số tiền đã cho vay nên ngày 28/6/2024, anh L mang Hợp đồng CNQSDĐ và GCNQSDĐ mà H đã thế chấp đến Chi nhánh Văn phòng đăng ký đất đai thị xã C (nay là Chi nhánh Văn phòng đăng ký đất đai khu vực C, tỉnh Đồng Nai) để làm thủ tục sang tên. Quá trình tiếp nhận hồ sơ, nhân viên bộ phận tiếp nhận hồ sơ kiểm tra các tài liệu mà anh L nộp thì phát hiện là giả nên đã trình báo vụ việc đến Cơ quan Công an.

Kết luận giám định số: 3573/KL-KTHS (TL) ngày 06/8/2024 của Phòng K Công an tỉnh B xác định:

- Chữ ký mang tên “Nguyễn Hữu T” và hình dấu tròn của Sở tài nguyên và môi trường tỉnh B trên “Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất” số: DD138520, số vào sổ cấp GCN: CS15425 cần giám định (ký hiệu A1) so với chữ ký đứng tên Nguyễn Hữu T và hình dấu tròn có cùng nội dung trên các tài liệu mẫu (ký hiệu M1 đến M10) không phải do cùng một người ký và con dấu đóng ra. Phôi và hình dấu tròn trên “Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất” số: DD138520, số vào sổ cấp GCN: CS15425 cần giám định (ký hiệu A1) là giả bằng phương pháp in phun màu điện tử.

- Chữ ký mang tên “Trương Thanh H4” và hình dấu tròn có nội dung “S.D.K.H.D:62-C.T.H.D * TX.CHƠN THÀNH - T. BÌNH PHƯỚC - VĂN PHÒNG CÔNG CHỨNG TRƯƠNG THANH H” trên các tài liệu cần giám định (ký hiệu A2 và A3) so với chữ ký đứng tên Trương Thanh H4 và hình dấu tròn có

cùng nội dung trên tài liệu mẫu (ký hiệu M11) không phải do cùng một người ký và con dấu đóng ra.

Cáo trạng số 44/CT-VKSĐN-P2 ngày 13/11/2025 của Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Đồng Nai truy tố bị cáo Huỳnh Trương Phương H về tội “Lừa đảo chiếm đoạt tài sản” quy định tại điểm a khoản 4 Điều 174 BLHS và tội “Sử dụng tài liệu giả của cơ quan, tổ chức” quy định tại điểm b khoản 3 Điều 341 Bộ luật Hình sự năm 2015 được sửa đổi, bổ sung năm 2017.

2. Trình bày của bị cáo, bị hại tại phiên tòa sơ thẩm:

Bị cáo thừa nhận toàn bộ hành vi phạm tội của mình như nội dung bản Cáo trạng của Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Đồng Nai đã truy tố đối với bị cáo và xin giảm nhẹ hình phạt.

Bị hại yêu cầu bị cáo trả lại cho bị hại số tiền chiếm đoạt 500.000.000 đồng và số tiền đã vay trước đó là 300.000.000 đồng. Tổng số tiền là 800.000.000 đồng.

Bị cáo và gia đình bị cáo đồng ý trả lại cho bị hại số tiền theo yêu cầu của bị hại.

Tại phiên tòa gia đình bị cáo (ông Huỳnh Phương H1 – cha bị cáo) đồng ý bồi thường khắc phục một phần hậu quả với số tiền 100.000.000 đồng bị cáo đã chiếm đoạt của bị hại.

3. Quan điểm của đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Đồng Nai:

Giữ nguyên quan điểm truy tố đối với bị cáo Huỳnh Trương Phương H về tội “Lừa đảo chiếm đoạt tài sản” theo điểm a khoản 4 Điều 174 của Bộ luật Hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017) và tội “Sử dụng tài liệu giả của cơ quan, tổ chức” quy định tại điểm b khoản 3 Điều 341 Bộ luật Hình sự năm 2015 được sửa đổi, bổ sung năm 2017 tại Cáo trạng số 44/CT-VKSĐN-P2 ngày 13/11/2025 của Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Đồng Nai.

1. Về trách nhiệm hình sự:

Về tội danh: Đề nghị Hội đồng xét xử tuyên bố bị cáo Huỳnh Trương Phương H phạm tội “Lừa đảo chiếm đoạt tài sản” theo điểm a khoản 4 Điều 174 của Bộ luật Hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017) và tội “Sử dụng tài liệu giả của cơ quan, tổ chức” quy định tại điểm b khoản 3 Điều 341 Bộ luật Hình sự năm 2015 được sửa đổi, bổ sung năm 2017.

Về áp dụng pháp luật:

Áp dụng điểm a khoản 4 Điều 174; điểm b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51, Điều 50, Điều 38 Bộ luật Hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017), xử phạt bị cáo H từ 12 năm đến 13 năm tù.

Áp dụng điểm b khoản 3 Điều 341; điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51, Điều 50, Điều 38 Bộ luật Hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017), xử phạt bị cáo H từ 03 năm đến 04 năm tù.

Áp dụng Điều 55 Bộ luật Hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017), tổng hợp hình phạt của cả hai tội từ 15 năm tù đến 17 năm tù và tổng hợp hình

phạt của bị cáo tại Bản án số 487/2025/HS-ST ngày 20/8/2025 của Tòa án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh theo quy định của pháp luật.

2. Về trách nhiệm dân sự: Đề nghị áp dụng Điều 48 Bộ luật Hình sự

Đề nghị Hội đồng xét xử ghi nhận sự tự nguyện bồi thường giữa bị cáo và bị hại. Buộc bị cáo phải có nghĩa vụ trả lại cho bị hại Lê Văn L tổng số tiền còn lại 700.000.000 đồng, trong đó tiền chiếm đoạt còn lại là 400.000.000 đồng và 300.000.000 đồng tiền vay.

3. Về xử lý vật chứng: Các tài liệu là vật chứng đã lưu kèm theo hồ sơ vụ án nên không đề cập xử lý.

4. Không đề nghị áp dụng hình phạt bổ sung đối với bị cáo.

4. Quan điểm bào chữa của người bào chữa:

4.1. Quan điểm của người bào chữa cho bị cáo H:

Về điều khoản và tội danh: Thống nhất với Cáo trạng của Viện kiểm sát.

Về hình phạt: Mức hình phạt mà Kiểm sát viên đề nghị tại phiên tòa là quá nặng, bị cáo H đã ăn năn hối cải, thành khẩn khai báo, tại phiên tòa đã đồng ý bồi thường thiệt hại và tác động gia đình khắc phục cho bị hại số tiền 100.000.000 đồng, bị cáo có hoàn cảnh khó khăn, bị cáo có nhiều tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự theo quy định tại điểm b, s khoản 1 khoản 2 của Điều 51 Bộ luật Hình sự; do đó, đề nghị cho bị cáo được hưởng mức án dưới mức thấp nhất mà Viện kiểm sát đã đề nghị, thể hiện sự khoan hồng của pháp luật.

4.2. Quan điểm của người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho bị hại:

Về điều khoản và tội danh: Thống nhất với Cáo trạng của Viện kiểm sát.

Về hình phạt: Bị cáo H đã ăn năn hối cải, thành khẩn khai báo, bị cáo đồng ý bồi thường theo yêu cầu của bị hại và đã tác động gia đình bồi thường khắc phục một phần hậu quả cho bị hại, gia đình bị cáo có hoàn cảnh khó khăn, bị cáo có nhiều tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự theo quy định tại điểm b, s khoản 1 khoản 2 của Điều 51 Bộ luật Hình sự; do đó, đề nghị HĐXX giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo nhằm thể hiện sự khoan hồng của pháp luật.

Đối với số tiền bồi thường bị hại yêu cầu, đề nghị Hội đồng ghi nhận sự tự nguyện bồi thường của bị cáo và buộc bị cáo phải có nghĩa vụ tiếp tục trả lại cho bị hại số tiền 700.000.000 đồng còn lại.

5. Lời nói sau cùng của các bị cáo:

Bị cáo xin lỗi bị hại và xin Hội đồng xét xử xem xét giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan điều tra Công an tỉnh B (Nay là tỉnh Đồng Nai), Điều tra viên, Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Đồng Nai, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa, bị cáo, người bào chữa cho bị cáo, bị hại không có người nào có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[2] Về hành vi phạm tội của bị cáo: Quá trình điều tra, truy tố và tại phiên tòa, bị cáo khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội của mình như nội dung bản Cáo trạng của Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Đồng Nai đã truy tố. Xét lời khai nhận tội của bị cáo phù hợp với các kết luận giám định, lời khai của bị hại, vật chứng thu giữ và các tài liệu, chứng cứ chứng cứ có trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng công khai tại phiên tòa, Hội đồng xét xử có cơ sở kết luận:

Bị cáo Huỳnh Trương Phương H lợi dụng mối quan hệ quen biết từ trước với bị hại anh Lê Văn L nên đã đặt làm giả 01 Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất đối với thửa đất số 30, tờ bản đồ số 69, tọa lạc tại: Khu phố H, phường C, tỉnh Đồng Nai đứng tên H và 02 Hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất của Văn phòng C1 để H sử dụng các tài liệu giả này đưa cho anh Lê Văn L làm cho anh L tin tưởng để cho H vay tổng số tiền 500.000.000đ (năm trăm triệu đồng), sau đó bị cáo chiếm đoạt và dùng vào việc tiêu xài cá nhân, trả lãi Ngân hàng.

Do đó, Cáo trạng số 44/CT-VKSĐN-P2 ngày 13/11/2025 của Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Đồng Nai truy tố bị cáo là có căn cứ, đúng người, đúng tội và đúng quy định của pháp luật.

[3] Bị cáo phạm tội với lỗi cố ý trực tiếp, bị cáo đồng thời phạm 02 tội nghiêm trọng và đặc biệt nghiêm trọng, trong đó tội Lừa đảo chiếm đoạt tài sản có khung hình phạt cao nhất là chung thân. Hành vi phạm tội của bị cáo đã trực tiếp xâm phạm đến trật tự quản lý hành chính, xâm phạm đến hoạt động bình thường và uy tín cơ quan nhà nước và lợi ích của công dân; quyền sở hữu về tài sản của người khác được pháp luật bảo vệ, gây mất trật tự trị an xã hội, bất bình trong nhân dân, gây mất lòng tin giữa con người với nhau, ảnh hưởng xấu đến uy tín của các đơn vị, tổ chức liên quan. Bị cáo biết rõ hành vi của mình là vi phạm pháp luật nhưng vì để có tiền tiêu xài, bị cáo vẫn cố tình thực hiện, do đó cần phải có một mức án thật nghiêm khắc tương xứng với hành vi của bị cáo gây ra để đảm bảo giáo dục riêng cho bị cáo và phòng ngừa chung trong xã hội.

Do bị cáo không có việc làm ổn định và không có thu nhập nên không áp dụng hình phạt bổ sung quy định tại khoản 5 Điều 174 Bộ luật Hình sự đối với bị cáo.

[4] Căn cứ quyết định hình phạt:

- Tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự: bị cáo không phải chịu tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự.

- Tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự: Quá trình điều tra, truy tố và xét xử, bị cáo thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải. Bị cáo tác động gia đình khắc phục một phần hậu quả do hành vi của bị cáo gây ra với số tiền 100.000.000 đồng nên đây là các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự được quy định tại điểm b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51 Bộ luật Hình sự được Hội đồng xem xét khi lượng hình.

[5] Đối với việc bị cáo Huỳnh Trương Phương H thuê người làm giả tài liệu, quá trình điều tra Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an tỉnh Đ không xác định được nhân thân, lai lịch của người này nên không có cơ sở đề nghị xử lý. Do đó Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

[6] Về trách nhiệm dân sự:

Tại phiên toà bị cáo tự nguyện đồng ý trả lại cho bị hại số tiền 800.000.000 đồng theo yêu cầu của bị hại nên cần ghi nhận sự tự nguyện này. Do gia đình bị cáo đã khắc phục 100.000.000 đồng nên bị cáo phải có nghĩa vụ tiếp tục trả số tiền còn lại là 700.000.000 đồng, trong đó 400.000.000 đồng tiền chiếm đoạt trong vụ án và 300.000.000 đồng tiền vay.

[7] Về xử lý vật chứng: Các tài liệu là vật chứng đã lưu kèm theo hồ sơ vụ án nên không xem xét xử lý.

[8] Quan điểm của Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Đồng Nai tại phiên tòa phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử nên được chấp nhận.

[9] Quan điểm của người bào chữa cho bị cáo phù hợp một phần với nhận định của Hội đồng xét xử nên được chấp nhận một phần.

[10] Quan điểm của người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho bị hại phù hợp với nhận định của HĐXX nên được chấp nhận.

[11] Về án phí: Bị cáo phải chịu án phí hình sự sơ thẩm và án phí dân sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

1. Về tội danh:

Tuyên bố bị cáo Huỳnh Trương Phương H phạm tội “Lừa đảo chiếm đoạt tài sản” và “Sử dụng tài liệu giả của cơ quan, tổ chức”.

2. Về áp dụng điều luật và hình phạt:

- Áp dụng điểm a khoản 4 Điều 174; điểm b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 38; Điều 50 Bộ luật Hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017, 2025). Xử phạt bị cáo Huỳnh Trương Phương H **12 (mười hai) năm tù**.

- Áp dụng điểm b khoản 3 Điều 341; điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 38; Điều 50 Bộ luật Hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017, 2025). Xử phạt bị cáo Huỳnh Trương Phương H **03 (ba) năm tù**.

Tại Bản án số 487/2025/HS-ST ngày 20/8/2025 của Tòa án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh xử phạt bị cáo 1 (mười bảy) năm tù về tội về tội “Mua bán trái phép chất ma túy”

- Áp dụng Điều 55 Bộ luật Hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017), tổng hợp hình phạt của hai tội là **15 (mười lăm) năm tù**.

- Áp dụng Điều 56 Bộ luật Hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017), tổng hợp hình phạt 15 (mười lăm) năm tù của bản án này và hình phạt **17 (mười bảy) năm tù** của Bản án số 487/2025/HS-ST ngày 20/8/2025 của Tòa án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh. Buộc bị cáo Huỳnh Trương Phương H phải chấp hành hình phạt chung là **30 (ba mươi) năm**.

Thời hạn tù được tính từ ngày 19 tháng 6 năm 2024.

3. Về xử lý vật chứng: Các tài liệu là vật chứng đã lưu kèm theo hồ sơ vụ án nên không xem xét xử lý.

4. Về trách nhiệm dân sự: Áp dụng Điều 584, 585 và 589 Bộ luật Dân sự năm 2015;

Buộc bị cáo phải có nghĩa vụ trả cho bị hại ông Lê Văn L số tiền 700.000.000 (bảy trăm triệu) đồng (Trong đó: 400.000.000 đồng tiền chiếm đoạt trong vụ án và 300.000.000 đồng tiền vay trước khi thực hiện hành vi chiếm đoạt).

Kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật hoặc kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án cho đến khi thi hành án xong, tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật Dân sự năm 2015.

Người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự năm 2008 (sửa đổi, bổ sung năm 2014).

5. Về án phí: Áp dụng Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

Bị cáo H phải chịu 200.000 (hai trăm nghìn) đồng án phí hình sự sơ thẩm và 32.000.000 (Ba mươi hai triệu) đồng án phí dân sự có giá ngạch.

6. Về quyền kháng cáo: Bị cáo có mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án; Bị hại vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc kể từ ngày bản án được niêm yết theo quy định của pháp luật.

Nơi nhận:

- TPT- TANDTC tại TP Hồ Chí Minh;
- Viện Công tố và kiểm sát xét xử phúc thẩm tại TP Hồ Chí Minh;
- VKSND tỉnh Đồng Nai;
- CQCSĐT - CA tỉnh Đồng Nai;
- CQTHAHS - CA tỉnh Đồng Nai;
- PV 06 - CA tỉnh Đồng Nai;
- THADS tỉnh Đồng Nai;
- Bị cáo;
- Bị hại;
- Luật sư;
- Trại tạm giam số 2 – CA tỉnh Đồng Nai;
- Trại giam Cây Cầy, tỉnh Tây Ninh;
- Lưu: Lưu trữ; HCTP; Tòa HS.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(Đã ký và đóng dấu)

Nguyễn Thị Nga